TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Công Em -** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 478/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Minh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1/ Chị Trương Thị Thùy D, sinh năm 2000.

2/ Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Võ Văn T2, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trương Văn T1 trình bày:

Anh Võ Minh H (con rể ông T1) đang sống chung với cha ruột là ông Võ Văn T2, gia đình có mua một chiếc ghe đã qua sử dụng, trọng tải 52 tấn, biển số TG 5508 do anh Võ Minh H đứng tên. Anh H đã mượn tiền của ông từ ngày 26/6/2019, mượn H lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Mượn 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k để mua máy mới.

Lần 2: Mượn 30.000.000 đồng mua cây sửa ghe.

Lần 3: Mượn 30.000.000 đồng mua cây sửa ghe.

Lần 4: Mượn 15.000.000 đồng tiền công sửa ghe.

Lần 5: Mượn 05 chỉ vàng 24k trả tiền công thợ.

Lần 6: Mượn 10.000.000 đồng để mua bán hoa kiểng.

Lần 7: Mượn 2.0000.000 đồng để tiêu xài tết.

Lần 8: Mượn 20.000.000 đồng để mua bán gạo.

Lần 9: Mượn 8.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k để mua ống dây bom nước.

Tổng số tiền anh H mượn của ông là 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k. Ông đã đến nhà anh H đòi H lần nhưng anh H không trả. Nay, ông Trương Văn T1 yêu cầu anh Võ Minh H trả số tiền vay là 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 10/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Minh H trình bày:

Anh và vợ là chị Trương Thị Thùy D có mượn tiền của ông Trương Văn T1 H lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Mượn 35.000.000 đồng.

Lần 2: Mượn 30.000.000 đồng.

Lần 3: Mượn 30.000.000 đồng.

Lần 4: Mượn 15.000.000 đồng.

Lần 5: Mượn 20.000.000 đồng tương đương 05 chỉ vàng 24k.

Lần 6: Mượn 10.000.000 đồng để mua mai.

Lần 7: Mượn 20.000.000 đồng.

Lần 8: Mượn 2.0000.000 đồng để tiêu xài tết.

Tổng cộng, anh và chị D đã mượn của ông T1 số tiền 142.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Anh thừa nhận anh có nợ ông T1 số tiền trên nhưng anh chỉ đồng ý trả nợ cho ông T1 khi nào chị D thừa nhận số nợ này và cùng anh trả nợ cho ông T1.

* Chị Trương Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh H chung sống từ năm 2018 đến cuối năm 2020, sống chung có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh H có bàn bàn bạc và có dự định mua ghe vào năm 2019. Nguồn tiền mua ghe là do anh H mượn. Khi ghe bị hư phải sửa chữa thì chị có bán vàng cưới của hai vợ chồng để sửa chữa ghe. Chị biết ông T1 cho anh H mượn tiền sửa ghe nhưng không biết bao nhiêu. Cuối năm 2020, ông T1 thống kê tiền nợ chị mới biết anh H nợ ông T1 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k. Chị không đồng ý cùng với anh Võ Minh H trả nợ cho ông Trương Văn T1 số tiền 142.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Số tiền, vàng này là do ông T1 và anh H tự giao dịch với nhau, chị không biết.

* Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà là vợ của ông Trương Văn T1. Con gái bà là chị Trương Thị Thùy D kết hôn với anh Võ Minh H năm 2018 và về sống cùng gia đình anh H từ năm 2018 đến năm 2020. Chị D không tạo ra thu nhập, anh H làm ruộng phụ cha mẹ để lo kinh tế cho vợ chồng. Cha mẹ anh H có mua cho anh H một chiếc ghe để chở lúa mướn. Khi sửa chữa ghe, anh H có nhờ bà hỏi vay tiền H lần với tổng số tiền 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k. Nay, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T1 buộc anh H trả số tiền 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k.

* Tại phiên tòa, ông Võ Văn T2 trình bày:

Ông là cha ruột của anh Võ Văn H, khi anh H cưới chị D làm vợ thì anh H và chị D sinh sống chủ yếu là làm ruộng. Sau đó, anh H muốn mua sắm ghe để vợ chồng anh làm chủ và làm phương tiện sinh sống. Tiền mua ghe là của vợ chồng anh H và mượn của một số chủ nợ nữa. Ông không có cho tiền vợ chồng anh H mua ghe nhưng có cho tiền vợ chồng anh H sửa chữa ghe. Ông có nghe ông Trương Văn T1 nói với ông, anh H nợ ông T1 140.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k nhưng thực tế thì ông không thấy ông T1 đưa tiền cho anh H. Ngoài khỏan tiền anh H nợ ông T1 thì vợ chồng anh H còn nợ ông số tiền 159.000.000 đồng. Chiếc ghe này là tài sản chung của vợ chồng anh H do vợ chồng anh H mua và cùng sử dụng. Chi phí sinh hoạt hàng ngày trong gia đình là do ông chi, tiền thu lợi từ ghe chở lúa là do vợ chồng anh H giữ, sử dụng và tiêu xài.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T1.

Buộc anh Võ Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn T1 số tiền 142.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim T yêu cầu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải mà T1 tục xét xử vụ án, đây là sự tự nguyện của bà T và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Trương Văn T1 cho rằng anh Võ Minh H vay nhiền lần với số tiền 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k nhưng anh Võ Minh H thừa nhận có vay ông T1 là 142 .000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Chứng cứ ông T1 cung cấp là file ghi âm giữa ông T1 và ông T2 (cha ruột của anh H), ông T2 biết anh H nợ ông T1 số T1 140.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k và anh H cũng thừa nhận. Ngoài ra, ông T1 chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh anh H nợ số tiền 145.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k như yêu cầu khởi kiện của ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ vay là 142.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

Nhận thấy, vào thời điểm vay tiền giữa ông T1 và anh H thì anh H và chị Trương Thị Thùy D đang là vợ chồng, cùng chung sống, cùng sinh hoạt chung và có đăng ký kết hôn nên đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Chị D phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh H trả nợ cho ông T1, mỗi người có nghĩa vụ nợ chung ½. Tuy nhiên, ông T1 không yêu cầu chị D cùng trả nợ nên anh H có nghĩa vụ trả cho ông T1 ½ nợ chung là 71.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24k.

Nếu sau này, ông T1 có yêu cầu chị D trả ½ nợ chung còn lại thì ông T1 phải nộp đơn khởi kiện và giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về thời hạn trả: Anh H xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Xét thấy, việc xin trả dần của anh H không được ông T1 đồng ý và gây thiệt hại cho ông T1 nên yêu cầu của anh H không được Hội đồng xét xử chấp

nhận. Buộc anh H trả số tiền 71.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24k ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Yêu cầu tính lãi: Ông T1 không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, chị D khai nại đây là nợ riêng của cá nhân anh H không liên quan đến chị nhưng khi anh H có ý định mua ghe chị và anh H đã cùng nhau bàn bạc để đưa ra quyết định tạo lập tài sản chung của vợ chồng là chiếc ghe dùng để chở lúa. Đến khi mua ghe về, do ghe đã cũ cần đổi máy mới và nâng cấp sửa chữa nên chị đã bán vàng cưới của hai vợ chồng để làm phí mua máy và sửa chữa. Do đó, từ lời khai nại của chị đã khẳng định chị D phải có nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản chung vợ chồng. Do đó, lời khai nại của chị D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông T1 và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giá vàng thời thời điểm xét xử có giá 5.300.000 đồng/chỉ để tính án phí dân sự.

[6] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nhưng chưa phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T1.

- Buộc anh Võ Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn T1 số tiền 71.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24k, trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Trương Văn T1 phải chịu 5.423.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 4.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016701 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông T1 còn phải nộp số tiền 673.000 đồng.

- Anh Võ Minh H phải chịu 4.213.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- CCTHADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan